

漢字の「音読み」と「訓読み」の区別についての説明

★ Nếu chúng ta phân biệt được 「音読み」と「訓読み」、thì chúng ta có thể tự đọc được 80% chữ hán tự căn cứ theo quy luật. Còn lại 20% là ngoại lệ (nghĩa là có cách đọc không theo quy tắc).

1. 「音読み」 là cách đọc mà khi đọc, khó nhận ra đó là tiếng Nhật, hoặc có thể không hiểu ý nghĩa của từ đó.

例： (1) 山 (さん) (2) 川 (せん)

2. 「訓読み」 là cách đọc của tiếng Nhật, nó thể hiện ý nghĩa của chữ Kanji, và thường là khi đọc lên người ta sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Trong đó, được chia làm 2 dạng

Dạng 1: Chỉ cần đọc lên là hiểu ngay ý nghĩa của tiếng Nhật (Theo âm của Hiragana)

例： (1) 山 (やま) (2) 川 (かわ)

Dạng 2: Cách đọc các từ (chữ hán) theo âm chữ Hiragana (振り仮名 Furigana)

例： (1) 言います (2) 高い

Ngoài ra, chúng ta cũng cần ghi nhớ những đặc trưng của 「音読み」

① Những từ kết thúc bằng âm ん

例： (1) 新 しん (2) 線 せん (3) 番 ばん

② Những chữ Hán chỉ có một cách đọc

例： (2) 駅 えき (3) 服 ふく (3) 肉 にく

③ Những chữ Hán có cách đọc là 3 âm Hiragana, trong đó, âm thứ 2 nhỏ hơn chữ còn lại

例： (1) 流を りゅう (2) 小を しょう

Những đặc trưng của 「訓読み」

① 「送り仮名」 Cách đọc gắn cùng Hiragana

例： (1) 教える (2) 思います (3) 正しい

② Cách đọc hiểu luôn ý nghĩa khi nó (chữ Hán) đó đứng một mình

例： (1) 山 やま、 (2) 川 かわ (3) 海 うみ

音読みを見分けるコツ

(những điều cần nắm bắt để phân biệt, làm rõ 「音読み」)

- là cách đọc mà khi đọc, khó nhận ra đó là tiếng Nhật, hoặc có thể không hiểu ý nghĩa của từ đó.
- là cách đọc của tiếng Nhật, nó thể hiện ý nghĩa của chữ Kanji, và thường là khi đọc lên người ta sẽ hiểu được ý nghĩa của nó.
- Những từ kết thúc bằng âm ん
- Những chữ Hán chỉ có một cách đọc

訓読みを見分けるコツ

những điều cần nắm bắt để phân biệt, làm rõ 訓読み)

- Những từ mà sau nó phải có chữ Hiragana
- Cách đọc dù đứng một mình vẫn hiểu ý nghĩa
- Chỉ cần đọc lên là hiểu ngay ý nghĩa của tiếng Nhật (Theo âm của Hiragana)
- Nếu viết bằng chữ Hiragana thì sẽ trở thành 4 ký tự trở lên